

THỰC TRẠNG CUỘC SỐNG CƯ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN BÌNH ĐIỀN, THỊ XÃ HUƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Lê Thị Nguyễn

Khoa Địa lý – Địa chất, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: nguyenhueuni@gmail.com

TÓM TẮT

Thừa Thiên Huế là một trong những tỉnh có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển thủy điện. Tính đến cuối năm 2013, Tỉnh đã và đang xúc tiến xây dựng 11 công trình thủy điện, trong đó có 05 công trình gắn liền với dự án di dân, tái định cư (TĐC). Công trình thủy điện Bình Điền cũng có một khu TĐC được khởi công xây dựng năm 2006 tại thôn Bồ Hòn, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà. Khu TĐC này đã được đầu tư nhiều hạng mục nhằm giúp cuộc sống của người dân có cơ hội tốt hơn so với nơi ở cũ. Tuy nhiên, qua phương pháp đánh giá chất lượng cuộc sống dựa vào 5 nhóm chỉ tiêu phản ánh về: sinh kế, văn hóa, giáo dục, sức khỏe, nhà ở, cho thấy cuộc sống của người dân ở khu TĐC Bồ Hòn không tốt hơn so với nơi ở cũ. Vì vậy tình trạng nghèo hóa và tái nghèo đang ngày càng diễn ra khá phổ biến ở nơi đây.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống, nghèo hóa, tái định cư, tái nghèo.

1. MỞ ĐẦU

Không ai phủ nhận những cái lợi từ việc đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện. Thủy năng thải rất ít khí thải nhà kính so với các phương thức sản xuất điện khác, lượng khí nhà kính mà thủy điện thải ra nhỏ hơn 10 lần so với các nhà máy tuocbin khí chu kì hỗn hợp và nhỏ hơn 25 lần so với các nhà máy nhiệt điện than. Về mặt kinh tế, việc đầu tư thủy điện thật sự có hiệu quả kinh tế cao, thu hồi vốn nhanh.

Với những con sông ngắn và dốc bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, Thừa Thiên Huế có tiềm năng lớn về phát triển thủy điện. Tận dụng ưu thế này, Tỉnh đã quy hoạch và xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ. Tính đến cuối năm 2013, Tỉnh đã và đang xúc tiến xây dựng 11 công trình thủy điện - thủy lợi, bao gồm thủy điện Bình Điền, Hương Điền, A Lưới, Tả Trạch, A Roàng, Hồng Hạ, Sông Bồ, Thượng Nhật, A Lin, Hồng Thủy và Thượng Lộ. Theo đó, có 05 dự án di dân, tái định cư thuộc các công trình hồ Tả Trạch, thủy điện Bình Điền, Hương Điền, A Lưới và thủy điện A Lin, có tổng vốn đầu tư là 174.359 triệu đồng, với 967 hộ dân di dời. Từ dự án hồ Tả Trạch có 7 khu tái định cư, các dự án khác đều có 1 khu tái định cư. Công trình thủy điện Bình Điền cũng có 1 khu TĐC được khởi công xây dựng năm 2006 tại thôn Bồ Hòn, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà để đón nhận 225 khẩu thuộc diện phải di dời. Tại khu TĐC đã đầu tư nhiều hạng mục nhằm giúp cho cuộc sống của người dân có cơ hội tốt hơn so với nơi ở

cũ như cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, nhà cửa khá khang trang, điều kiện để tiếp cận với các dịch vụ giải trí khá thuận lợi... Tuy nhiên, những hạng mục này chỉ là một trong những điều kiện cần ban đầu chứ chưa đủ để đảm bảo cuộc sống của người dân được ổn định. Tình trạng khó kiếm việc làm, thiếu đất sản xuất, hoặc có đất thì không canh tác được do đất quá xấu, điều kiện chăn nuôi cũng rất khó khăn, cơ sở hạ tầng tuy được đầu tư nhưng không đồng bộ,... đã làm cho sinh kế của người dân ở các khu TĐC thủy điện, thủy lợi trở nên bấp bênh, thu nhập bị giảm sút so với nơi ở cũ. Vì vậy tình trạng nghèo hóa và tái nghèo đang ngày càng diễn ra khá phổ biến ở nơi đây.

2. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Hiện tượng kinh tế - xã hội là một vấn đề hết sức phức tạp và đặc biệt đối với việc nghiên cứu cuộc sống của cư dân ở các khu TĐC thủy điện, thủy lợi hiện đang là vấn đề thời sự, rất nhạy bén. Chính vì vậy cần phải tìm hiểu kỹ các nguyên nhân, các điều kiện cũng như sự phát sinh và phát triển của các hiện tượng. Nghĩa là nội dung nghiên cứu cần phải được nhìn nhận theo quan điểm duy vật biện chứng, đặc biệt quá trình nghiên cứu phải luôn dựa trên quan điểm của quy luật “Tính thống nhất và hoàn chỉnh”. Do đó nội dung nghiên cứu đã được tiến hành đồng thời theo các phương pháp chủ yếu sau:

1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu thứ cấp;
2. Phương pháp điều tra, phỏng vấn;
3. Phương pháp thảo luận nhóm;
4. Phương pháp chuyên gia;
5. Phương pháp đo đạc, khảo sát thực địa tổng hợp;
6. Phương pháp thống kê – toán học;
7. Phương pháp đánh giá chất lượng cuộc sống (CLCS).

Để đánh giá CLCS ở khu TĐC sẽ dựa vào 5 nhóm chỉ tiêu, bao gồm nhóm chỉ tiêu phản ánh sinh kế, nhóm chỉ tiêu phản ánh đặc điểm sinh hoạt văn hóa – xã hội, nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề liên quan đến giáo dục, nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề liên quan sức khỏe và nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ hài lòng về tiện nghi nhà ở.

Việc đánh giá CLCS sẽ được tiến hành qua 3 bước: thứ nhất đánh giá cho từng chỉ tiêu, thứ hai sẽ đánh giá cho từng nhóm chỉ tiêu và cuối cùng là đánh giá tổng hợp cho khu TĐC. Để có được kết quả đánh giá đầu tiên cho mỗi chỉ tiêu, trước hết mỗi chỉ tiêu sẽ được đánh giá theo phương pháp định tính, nghĩa là dựa vào kết quả đánh giá của mỗi hộ gia đình đối với từng chỉ tiêu để phân cấp. Từ kết quả đánh giá của các hộ gia đình sẽ sử dụng phương pháp bán định lượng, nghĩa là tiến hành phân cấp, cho điểm và tính điểm trung bình cộng của mỗi chỉ tiêu. Cuối cùng phân hạng kết quả đánh giá theo phương pháp tính khoảng cách điểm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội khu TĐC thuộc công trình thủy điện Bình Điền

Năm 2006 công trình thủy điện Bình Điền được khởi công xây dựng và phải di dời 46 hộ (225 nhân khẩu) ra khỏi vùng lòng hồ. Để đón nhận 46 hộ, chủ yếu là dân tộc thiểu số Ca Tu, bị di dời, khu TĐC tại khe Nông Hội, thôn Bồ Hòn, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà đã được đầu tư xây dựng với tổng số vốn gần 7 tỷ đồng. Khu TĐC rộng 35 ha, bao gồm các công trình phúc lợi công cộng như đường giao thông, hệ thống điện, nước tự chảy, trường mẫu giáo, trường tiểu học, nhà họp thôn và 46 ngôi nhà, với trị giá mỗi ngôi nhà là 64 triệu đồng do Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền làm chủ đầu tư.

- Về đặc điểm dân số và nguồn lao động: Sau gần 8 năm định cư, số hộ ở khu TĐC Bồ Hòn đã tăng lên 55 hộ, trong đó có 40 hộ dân tộc Cơ Tu và 15 hộ dân tộc Kinh. Tuy nhiên do cuộc sống ở đây quá vất vả, đất canh tác vừa thiếu, vừa kém chất lượng nên đã có 05 hộ dân tộc Kinh phải bỏ nơi này để đi làm ăn xa và ít khi họ quay trở lại. Ngoài ra còn có 04 hộ dân tộc Cơ Tu cũng đã trở lại nơi ở cũ. Vì vậy, tính đến cuối năm 2013 tổng số hộ ở khu TĐC là 46 hộ, trong đó có 36 hộ dân tộc Cơ Tu. Tổng số dân hiện nay là 216 người, trong đó số người thuộc độ tuổi lao động là 123 người, chiếm 56,9% tổng số dân.

- Về trình độ học vấn: Qua điều tra, trình độ học vấn của người dân thuộc và trên độ tuổi lao động rất thấp. Cụ thể về trình độ học vấn của người dân ở khu TĐC được thống kê như sau:

Bảng 1. Trình độ học vấn người dân thuộc và trên độ tuổi lao động

Trình độ học vấn	Số người	Tỉ lệ %
Mù chữ	50	34,1
Biết chữ	54	36,7
Tiểu học	24	16,3
Trung học cơ sở	12	8,2
Trung học phổ thông	00	0,0
Cao đẳng – trung cấp và đại học	07	4,7
Tổng	147	100

[Nguồn: Điều tra từ thực tế]

- Cơ cấu nghề nghiệp: Vốn bản gốc là người dân vùng núi, nên hoạt động nông nghiệp là nghề nghiệp chính của người dân ở khu TĐC trước đây. Tuy nhiên, qua khảo sát số người trong độ tuổi lao động ở khu TĐC Bồ Hòn hiện nay, tỉ lệ làm nông rất thấp do thiếu đất canh tác và nếu có thì chất lượng đất quá kém. Cơ cấu nghề nghiệp hiện nay của người dân được xác định như sau:

Bảng 2. Cơ cấu nghề nghiệp những người thuộc độ tuổi lao động ở khu TĐC

Nghề nghiệp	Số lượng lao động	Tỉ lệ %	Ghi chú
Làm thuê	46	37,4	Làm te, bốc lò ô, thợ xây...
Làm rẫy	20	16,2	
Đi làm thuê xa	15	12,3	May, giúp việc... (chủ yếu ở Sài Gòn)
Trồng rừng	4	3,3	
Làm vườn	4	3,3	
Đang học nghề	4	3,3	Sửa xe máy, học may...
Khai thác ở rừng	3	2,4	
Buôn bán nhỏ	1	0,8	Buôn hàng tạp hóa nhỏ lẻ
Chăn nuôi	2	1,6	
Làm thủ công	1	0,8	Làm nón
Cán bộ Nhà nước	1	0,8	CB ủy ban xã
Y tá	1	0,8	
Nội trợ	1	0,8	
Không có khả năng lao động	20	16,2	Tàn tật, ốm đau
Tổng	123	100	

[Nguồn: Điều tra từ thực tế]

3.2. Đánh giá thực trạng cuộc sống cư dân khu TĐC thủy điện Bình Điền

3.2.1. Xác định đối tượng và chọn mẫu đánh giá

- Xác định đối tượng đánh giá: Đối tượng được chọn làm cơ sở cho việc đánh giá là “hộ gia đình”.

- Chọn mẫu đánh giá: Với quy mô diện tích khu vực nghiên cứu nhỏ, cấp thôn, nên số mẫu được chọn để đánh giá là 100%, nghĩa là tất cả 46 hộ ở khu TĐC đều được khảo sát.

3.2.2. Xác định chỉ tiêu, phân cấp và phân hạng chỉ tiêu đánh giá

3.2.2.1. Cơ sở xác định chỉ tiêu đánh giá

Mỗi khu TĐC sẽ có những đặc điểm riêng về tự nhiên, kinh tế và xã hội nên những chỉ tiêu được đưa ra phải phù hợp với lãnh thổ, phù hợp với cuộc sống thực tại và phải gắn liền với các nhu cầu cấp bách của người dân. Đặc biệt, đối với các khu TĐC thủy điện, thủy lợi, phần lớn người dân xuất phát từ các vùng đồi núi, vùng sâu, vùng xa, cuộc sống của họ gắn bó với rừng núi, gắn bó với đất đai, sản phẩm tiêu dùng của họ cơ bản là tự cung, tự cấp. Ngoài ra, dựa theo quan điểm các văn bản từ các nghị quyết, nghị định, quyết định... của Chính phủ và Thủ tướng ban hành đối với các khu TĐC nói chung và khu TĐC thủy điện, thủy lợi nói riêng, với sự khẳng định phương châm “cuộc sống của người dân ở các khu TĐC phải tốt hơn hoặc tối thiểu cũng bằng nơi ở cũ”, nên các chỉ tiêu đánh giá phải gắn liền với cuộc sống đời thường, phải rất gần gũi với người dân, phải chứa đựng tất cả các nhu cầu cơ bản nhất của con người.

3.2.2.2. Chọn chỉ tiêu đánh giá

Với các cơ sở lý luận trên, chỉ tiêu đánh giá bao gồm 5 nhóm (N_i), mỗi nhóm sẽ có m

chỉ tiêu (C_{i-m} , i là nhóm chỉ tiêu thứ i), cụ thể các nhóm chỉ tiêu được xây dựng như sau:

1. Nhóm chỉ tiêu phản ánh sinh kế, bao gồm 5 chỉ tiêu: Quy mô diện tích đất canh tác; Chất lượng đất canh tác; Khả năng tìm kiếm việc làm; Mức thu nhập bình quân đầu người; Mức độ ổn định về sinh kế.

2. Nhóm chỉ tiêu phản ánh đặc điểm sinh hoạt văn hóa – xã hội nhằm đánh giá cuộc sống tinh thần, bao gồm 4 chỉ tiêu: Tình hình duy trì các lễ hội truyền thống; Mức độ thuận lợi của việc tổ chức lễ hội; Khả năng tiếp cận các dịch vụ vui chơi, giải trí; Niềm tin vào cuộc sống trong tương lai.

3. Nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề liên quan đến giáo dục bao gồm 3 chỉ tiêu: Mức độ thuận lợi về việc đi lại từ nhà đến trường; Chất lượng trường, lớp học; Khả năng của gia đình chi trả các chi phí học tập cho con.

4. Nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề liên quan đến sức khỏe, bao gồm 4 chỉ tiêu: Mức độ thuận lợi về việc đi lại từ nhà đến nơi khám, chữa bệnh; Mức độ đầu tư trang thiết bị và thuốc men tại trạm xá; Khả năng của gia đình chi trả các chi phí cho việc khám, chữa bệnh; Tình hình sức khỏe của gia đình hiện nay.

5. Nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ hài lòng về tiện nghi nhà ở, bao gồm 3 chỉ tiêu: Mức độ hài lòng của gia đình về nhà ở; Mức độ hài lòng về nguồn nước sinh hoạt; Khả năng của gia đình chi trả các chi phí cho việc sử dụng điện, nước.

3.2.2.3. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá

Việc đánh giá cuộc sống cư dân ở khu TĐC được tiến hành trên cơ sở so sánh với nơi định cư trước đây. Vì thế mỗi chỉ tiêu, mỗi nhóm chỉ tiêu và kết quả đánh giá tổng hợp sẽ được phân thành 3 cấp và điểm đánh giá cho mỗi cấp tương ứng là:

- Tốt hơn hay thuận lợi hơn so với nơi định cư cũ, được ký hiệu T và điểm số được đánh giá là 3 điểm.

- Bình thường, nghĩa là không có thay đổi so với nơi ở cũ, được ký hiệu là B và điểm đánh giá là 2 điểm.

- Kém hơn hay khó khăn hơn so với nơi ở cũ, ký hiệu là K, điểm đánh giá là 1 điểm.

Kết quả đánh giá mỗi chỉ tiêu, mỗi nhóm chỉ tiêu và đánh giá tổng hợp đều được xác định theo bài toán trung bình cộng.

3.2.2.4. Phương pháp phân hạng kết quả đánh giá (ký hiệu là H)

Cũng trên cơ sở so sánh cuộc sống giữa khu TĐC với nơi ở cũ nên kết quả đánh giá sẽ được phân thành 3 hạng: Tốt hơn; Bình thường, như cũ; Kém hơn. Khoảng cách điểm giữa các hạng sẽ được xác định theo phương pháp tính “khoảng cách đều” và được xác định:

$$H = \frac{\text{Số điểm cực đại} - \text{Số điểm cực tiểu}}{3} = \frac{3 - 1}{3} = 0,66$$

Tuy nhiên, tùy theo mức độ quan trọng của mỗi chỉ tiêu tác động đến cuộc sống của cư dân ở khu TĐC mà mỗi chỉ tiêu sẽ được xác định một hệ số riêng. Vì vậy khoảng cách điểm để phân hạng kết quả đánh giá sẽ tùy thuộc vào hệ số của chỉ tiêu như bảng sau:

Bảng 3. Khoảng cách điểm phân hạng chỉ tiêu đánh giá được xác định theo hệ số

Hệ số của chỉ tiêu	Khoảng cách điểm giữa các hạng (H)	Xếp hạng chỉ tiêu	Khoảng cách điểm của mỗi hạng
Hệ số 1	$H_1 = 0,66$	K	1,00 – 1,66
		B	1,67 – 2,33
		T	2,34 – 3,00
Hệ số 2	$H_2 = 1,33$	K	2,00 – 3,33
		B	3,34 – 4,67
		T	4,68 – 6,00
Hệ số 3	$H_3 = 2,00$	K	3,00 – 5,00
		B	5,01 – 7,01
		T	7,02 – 9,00

3.2.3. Kết quả đánh giá

3.2.3.1. Đánh giá từng chỉ tiêu trong mỗi nhóm chỉ tiêu

Để đánh giá thực trạng cuộc sống ở khu TĐC Bò Hòn, trước tiên sẽ đánh giá từng chỉ tiêu trong mỗi nhóm chỉ tiêu. Kết quả đánh giá cho mỗi chỉ tiêu được hệ thống như sau:

Bảng 4. Kết quả đánh giá và phân hạng từng chỉ tiêu khu TĐC thôn Bò Hòn

STT	Nhóm chỉ tiêu đánh giá (N_i)	Các chỉ tiêu đánh giá cụ thể (C_{i-m})	Phân cấp chỉ tiêu (T – B và K)	Số hộ đánh giá mỗi cấp	Hệ số chỉ tiêu	Kết quả đánh giá mỗi cấp (6)	Kết quả đánh giá chỉ tiêu (D_{i-m})	Kết quả phân hạng
1	<i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh sinh kế (N_1)</i>	1. Quy mô diện tích đất canh tác (C_{1-1})	T	0	2	0	2,00	K
			B	0		0		
			K	46		92		
		2. Chất lượng đất canh tác (C_{1-2})	T	0	3	0	3,00	K
			B	0		0		
			K	46		138		
		3. Khả năng tìm kiếm việc làm (C_{1-3})	T	0	1	0	1,00	K
			B	0		0		
			K	46		46		
		4. Mức thu nhập bình quân đầu người (C_{1-4})	T	2	1	6	1,17	K
			B	4		8		
			K	40		40		
		5. Mức độ ổn định về sinh kế (C_{1-5})	T	1	2	6	2,17	K
			B	2		8		
			K	43		86		
2	<i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh đặc điểm sinh hoạt văn hóa – xã hội (N_2)</i>	1. Tình hình duy trì các lễ hội truyền thống (C_{2-1})	T	0	3	0	3,00	K
			B	0		0		
			K	46		138		
		2. Mức độ thuận lợi trong việc tổ chức lễ hội truyền thống (C_{2-2})	T	0	1	0	1,00	K
			B	0		0		
			K	46		46		

		3. Khả năng tiếp cận các dịch vụ vui chơi, giải trí (C ₂₋₃)	T	2	1	6	1,17	K		
			B	4		8				
			K	40		40				
		4. Niềm tin vào cuộc sống trong tương lai (C ₂₋₄)	T	1	2	6	2,26	K		
			B	4		16				
			K	41		82				
		3	<i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề liên quan đến giáo dục (N₃)</i>	1. Mức độ thuận lợi về việc đi lại từ nhà đến trường (C ₃₋₁)	T	46	1	138	3,00	T
					B	0		0		
K	0				0					
2. Chất lượng trường, lớp học (C ₃₋₂)	T			8	2	48	4,34	B		
	B			38		152				
	K			0		0				
3. Khả năng của gia đình chi trả các phí học tập cho con em (C ₃₋₃)	T			2	3	18	3,52	K		
	B			4		24				
	K			40		120				
4	<i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề liên quan đến sức khỏe (N₄)</i>	1. Mức độ thuận lợi về việc đi lại từ nhà đến nơi khám, chữa bệnh (C ₄₋₁)	T	0	1	0	2,00	B		
			B	46		92				
			K	0		0				
		2. Mức độ đầu tư trang thiết bị và thuốc men tại trạm xá (C ₄₋₂)	T	0	1	0	2,00	B		
			B	92		92				
			K	0		0				
		3. Khả năng chi trả các phí khám, chữa bệnh (C ₄₋₃)	T	2	3	18	3,52	K		
			B	4		24				
			K	40		120				
		4. Tình hình sức khỏe của gia đình hiện nay (C ₄₋₄)	T	0	2	0	2,60	K		
			B	14		56				
			K	32		64				
5	<i>Nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ hài lòng về tiện nghi nhà ở (N₅)</i>	1. Mức độ hài lòng về nhà ở (chất lượng, kiến trúc...) (C ₅₋₁)	T	0	2	0	5,74	B		
			B	46		184				
			K	0		80				
		2. Mức độ hài lòng về nguồn nước sinh hoạt (C ₅₋₂)	T	0	1	0	1,00	K		
			B	0		0				
			K	46		46				
		3. Khả năng chi trả các phí sử dụng điện, nước (C ₅₋₃)	T	3	3	27	3,71	K		
			B	5		30				
			K	38		114				

3.2.3.2. Đánh giá từng nhóm chỉ tiêu

Điểm đánh giá cho mỗi nhóm chỉ tiêu cũng được xác định theo bài toán trung bình cộng và kết quả đánh giá theo từng nhóm chỉ tiêu ở khu TĐC Bồ Hòn được xác định như sau:

Bảng 5. Kết quả đánh giá cho mỗi nhóm chỉ tiêu tại khu TĐC Bồ Hòn

Nhóm chỉ tiêu	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả phân hạng	Điểm đánh giá cho mỗi hạng	Điểm đánh giá mỗi nhóm	Kết quả đánh giá mỗi nhóm
Nhóm chỉ tiêu phản ánh sinh kế - N ₁	C ₁₋₁	K	1	1,00	K
	C ₁₋₂	K	1		
	C ₁₋₃	K	1		
	C ₁₋₄	K	1		
	C ₁₋₅	K	1		
Nhóm chỉ tiêu phản ánh đặc điểm sinh hoạt VH-XH - N ₂	C ₂₋₁	K	1	1,00	K
	C ₂₋₂	K	1		
	C ₂₋₃	K	1		
	C ₂₋₄	K	1		
Nhóm chỉ tiêu phản ánh vấn đề giáo dục - N ₃	C ₃₋₁	T	3	2,00	B
	C ₃₋₂	B	2		
	C ₃₋₃	K	1		
Nhóm chỉ tiêu phản ánh các vấn đề SK - N ₄	C ₄₋₁	B	2	1,50	K
	C ₄₋₂	B	2		
	C ₄₋₃	K	1		
	C ₄₋₄	K	1		
Nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ hài lòng về tiện nghi nhà ở - N ₅	C ₅₋₁	B	2	1,33	K
	C ₅₋₂	K	1		
	C ₅₋₃	K	1		

3.2.3.3. Kết quả đánh giá tổng hợp

Bảng 6. Kết quả đánh giá tổng hợp cuộc sống ở khu TĐC Bồ Hòn

Nhóm chỉ tiêu	Kết quả phân hạng của mỗi nhóm N _i	Điểm đánh giá theo cấp
N ₁	K	1
N ₂	K	1
N ₃	B	2
N ₄	K	1
N ₅	K	1
Tổng điểm đánh giá		6

Tổng số điểm đánh giá chất lượng cuộc sống ở khu TĐC Bồ Hòn qua 5 nhóm chỉ tiêu là 6 điểm, như vậy điểm trung bình cộng là $6/5 = 1,20$, xếp hạng K.

4. KẾT LUẬN

Qua kết quả đánh giá từng chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu và đánh giá tổng hợp, thực trạng cuộc sống của người dân ở khu TĐC Bồ Hòn thuộc công trình thủy điện Bình Điền đang gặp rất nhiều khó khăn so với nơi định cư trước đây. Sinh kế của người dân không bảo đảm do vừa

thiếu đất sản xuất, vừa chất lượng đất quá kém; các lễ hội văn hóa truyền thống đang mai một dần; phần lớn các hộ gia đình đều không đủ khả năng để chi trả các khoản dịch vụ như: chi phí giáo dục, khám chữa bệnh, nhà cửa đang xuống cấp trầm trọng... Với kết quả này và theo bảng phân hạng đánh giá, thực trạng cuộc sống ở khu TĐC Bò Hòn “không tốt hơn so với nơi ở cũ” như các văn bản từ các quyết định, nghị định của chính phủ và Thủ tướng đã ban hành cho các khu TĐC nói chung và khu TĐC thủy điện nói riêng.

Trong tình hình đất nước đang còn thiếu nguồn điện để phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội thì việc ra đời các nhà máy thủy điện là tất yếu. Nhưng cùng với sự ra đời các công trình thủy điện không thể “quay lưng” làm ngơ với những tác động tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên và đặc biệt đối với tác động xã hội, trong đó tại các khu TĐC tình trạng nguy cơ nghèo hóa và tái nghèo đang ngày càng diễn ra phổ biến. Đã đến lúc phải gióng lên hồi chuông để đánh thức trách nhiệm của các chủ đầu tư và những cơ quan ban ngành có liên quan đến sự xuất hiện các công trình thủy điện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Thị Nguyễn (2000). *Phân tích chất lượng cuộc sống của dân cư đô thị nghèo ở các vùng bao quanh Kinh thành Huế*, Đề tài cấp Bộ.
- [2]. Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế (2010). *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp đảm bảo ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân vùng di dân, TĐC*, *Bản tin khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế*, trang 6 – 7.
- [3]. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2003). *Kế hoạch chi tiết đền bù TĐC*, Bản báo cáo đánh máy, Huế.
- [4]. UBND xã Bình Thành (2011). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2011*, xã Bình Thành, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- [5]. Viện Nghiên cứu kinh tế và phát triển (2009). *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp đảm bảo ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân vùng di dân, TĐC thuộc các dự án thủy lợi, thủy điện ở Thừa Thiên Huế*, Báo cáo tóm tắt kết quả đề tài, Trường đại học Kinh tế Quốc dân - Hà Nội.

**LIFE SITUATION OF RESETTLED RESIDENTS
AT BINH DIEN HYDROPOWER, HUONG TRA TOWN,
THUA THIEN HUE PROVINCE**

Le Thi Nguyen

Department of Geography and Geology, Hue University of Sciences

Email: nguyenhueuni@gmail.com

ABSTRACT

Thua Thien Hue is one of the provinces with favorable natural conditions for development of hydropower. By the end of 2013, the province has been building 11 hydropower projects, in which there are 5 projects attached to migration, resettlement. Binh Dien hydropower project has one resettled area, it was begun the construction in 2006 at Bo Hon village, Binh Thanh commune, Huong Tra town. This resettled area has been invested many items to improve the lives of the people better than the old place. However, with quality assessment method of life, based on five normal groups which reflect the livelihood, culture, education, health and housing situation, it is found that the lives of the people at Bo Hon resettled area are not better than the old place. As a result, it happens widely the status in which some people become the poor, others are fell into poverty again.

Keywords: *Become the poor, fall into poverty again, quality of life, resettlement*